

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Ba

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1981.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2020, bản tự khai cùng ngày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trương Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trần Thị L có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 21/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị L thường xuyên mắng chửi và nặng lời với anh, thậm chí còn đánh đập anh. Do vậy, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: vợ chồng có con chung tên Trương Tuấn S, sinh ngày 24/7/2007, Trương Minh G, sinh ngày 31/8/2009 và Trương Ngọc Như 7, sinh ngày 20/8/2011. Anh T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 04 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung như nguyên đơn trình bày. Đồng thời xác định, quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay theo yêu cầu ly hôn của anh T, chị L xin được đoàn tụ. Về con chung: có ba con chung tên Trương Tuấn S, sinh ngày 24/7/2007, Trương Minh G, sinh ngày 31/8/2009 và Trương Ngọc Như 7, sinh ngày 20/8/2011. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T thì chị yêu cầu nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Các đương sự yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung, nợ chung, đồng thời có nơi cư trú cùng lãnh

thổ nên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh T và chị Trần Thị L là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và các lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện giữa anh T và chị L đã có mâu thuẫn vợ chồng, được hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh T cho rằng trong quá trình chung sống chị L lạnh nhạt với anh, có lần mâu thuẫn nghiêm trọng chị L có đánh anh, chị L cũng xác định nghi ngờ anh T có quan hệ với người khác bên ngoài. Tuy nhiên chị vẫn tha thứ cho anh T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T cho ly hôn cùng chị thì chị xin được nuôi con chung, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tại phiên tòa, hôm nay anh T yêu cầu được nuôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Chị L yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày việc anh đi làm xa nên hai, ba tháng mới về cho thấy việc giao con cho anh T là không đảm bảo và từ lúc vợ chồng anh T, chị L ly thân thì con chung vẫn ở với chị L cuộc sống cũng ổn định nên việc giao con chung cho chị L là đảm bảo và phù hợp với ý kiến nguyện vọng của các con, anh T được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: đây là nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn chị L yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000đ/tháng đối với mỗi người con chung cho đến khi con chung trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4]. Về quan hệ tài sản: Đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên không xét, nếu phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trương Minh T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn anh Trương Minh T được ly hôn với chị Trần Thị L.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Tuấn S, sinh ngày 24/7/2007, Trương Minh G, sinh ngày 31/8/2009 và Trương Ngọc Như 7, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng anh Trương Minh T phải cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đối với mỗi người con chung (thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 17/8/2020) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Anh Trương Minh T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh T phải nộp là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0016197 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc anh T phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện O;
- THADS huyện O;
- UBND xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc